

Bản án số: **11/2024/DS-ST**
Ngày: 05/02/2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và tranh chấp
hội*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.

2. Ông Võ Minh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 294/2023/TLST-DS, ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2023/QĐXX-ST ngày 22 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Lệ H**, sinh năm 1965 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: 1. Bà **Ngô Thị Phương T**, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

2. Ông **Võ An G**, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 10/10/2023, Bản tự khai ngày 01/12/2023, Biên bản lấy lời khai ngày 01/12/2023 và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị Lệ H trình bày như sau:*

Bà và bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G là chỗ quen biết, làm ăn lâu năm của nhau. Cho nên ngày 21/9/2023 (07/8/2023 âm lịch), bà có cho bà T, ông G vay số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), hai bên có làm giấy nợ (bút lục 59), lãi suất thỏa thuận 15%/tháng, thời hạn 15 ngày trả nợ, bà T có giao cho bà 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Ngô Thị Phương T làm tin. Tuy nhiên, khoảng 13 ngày sau thì bà T, ông G bỏ nợ, bỏ khỏi địa phương đến nay, không trả tiền nợ gốc cũng như lãi theo thỏa thuận. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T, ông G trả số nợ 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) tiền vay. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Ngô Thị Phương T, bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nếu qua giai đoạn thi hành án bị đơn trả được nợ thì bà giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho bị đơn.

Ngoài ra, bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G cũng tham gia chơi 05 dây hụi do bà làm chủ, cụ thể như sau:

Dây hụi thứ 01: Hụi khai ngày 05/7/2022 âm lịch, hụi mệnh giá 10.000.000 đồng/phần, hụi gồm 26 phần, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 05 âm lịch hàng tháng, vợ chồng bà T, ông G chơi 02 phần.

Phần 1: Bà T, ông G hốt hụi ngày 05/10/2022 âm lịch, hốt được số tiền 194.420.000 đồng, đóng được 15 lần đến hết ngày 05/8/2023 âm lịch thì không đóng nữa, bà phải choàng hụi từ ngày 05/9/2023 âm lịch đến nay.

Phần 2: Bà T, ông G hốt hụi ngày 05/11/2022 âm lịch, hốt được số tiền 194.390.000 đồng, đóng được 15 lần đến hết ngày 05/8/2023 âm lịch thì không đóng nữa, bà phải choàng hụi từ ngày 05/9/2023 âm lịch đến nay.

Do đó, tính đến ngày xét xử 05/02/2024 (26/12/2023 âm lịch), dây hụi này bà đã choàng cho bà T, ông G 02 phần hụi x 10.000.000 đồng x 04 tháng = 80.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 02: Hụi khai ngày 10/5/2023 âm lịch, hụi mệnh giá 10.000.000 đồng/phần, hụi gồm 28 phần, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 10 âm lịch hàng tháng, vợ chồng bà T, ông G chơi 01 phần. Bà T, ông G hốt hụi ngày 10/6/2023 âm lịch, hốt được số tiền 205.200.000 đồng, đóng được 04 lần đến hết ngày 10/8/2023 âm lịch thì không đóng nữa, bà phải choàng hụi từ ngày

10/9/2023 âm lịch đến nay. Do đó, tính đến ngày xét xử 05/02/2024 (26/12/2023 âm lịch), dây hụi này bà đã choàng cho bà T, ông G 01 phần hụi x 10.000.000 đồng x 04 tháng = 40.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 03: Hụi khai ngày 15/12/2022 âm lịch, hụi mệnh giá 10.000.000 đồng/phần, hụi gồm 29 phần, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 15 âm lịch hàng tháng, vợ chồng bà T, ông G chơi 02 phần.

Phần 1: Bà T, ông G hốt hụi ngày 15/01/2023 âm lịch, hốt được số tiền 216.950.000 đồng, đóng được 10 lần đến hết ngày 15/8/2023 âm lịch thì không đóng nữa, bà phải choàng hụi từ ngày 15/9/2023 âm lịch đến nay.

Phần 2: Bà T, ông G hốt hụi ngày 15/02/2023 âm lịch, hốt được số tiền 217.800.000 đồng, đóng được 10 lần đến hết ngày 15/8/2023 âm lịch thì không đóng nữa, bà phải choàng hụi từ ngày 15/9/2023 âm lịch đến nay.

Do đó, tính đến ngày xét xử 05/02/2024 (26/12/2023 âm lịch), dây hụi này bà đã choàng cho bà T, ông G 02 phần hụi x 10.000.000 đồng x 04 tháng = 80.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 04: Dây hụi khai ngày 20/3/2022 âm lịch, hụi mệnh giá 10.000.000 đồng/phần, hụi gồm 28 phần, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 20 âm lịch hàng tháng, vợ chồng bà T, ông G chơi 02 phần.

Phần 1: Bà T, ông G hốt hụi ngày 20/7/2022 âm lịch, hốt được số tiền 214.630.000 đồng, đóng được 15 lần đến hết ngày 20/7/2023 âm lịch thì không đóng nữa, bà phải choàng hụi từ ngày 20/8/2023 âm lịch đến nay.

Phần 2: Bà T, ông G hốt hụi ngày 20/8/2022 âm lịch, hốt được số tiền 213.300.000 đồng, đóng được 15 lần đến hết ngày 20/7/2023 âm lịch thì không đóng nữa, bà phải choàng hụi từ ngày 20/8/2023 âm lịch đến nay.

Do đó, tính đến ngày xét xử 05/02/2024 (26/12/2023 âm lịch), dây hụi này bà đã choàng cho bà T, ông G 02 phần hụi x 10.000.000 đồng x 05 tháng = 100.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 05: Dây hụi khai ngày 25/01/2022 âm lịch, hụi mệnh giá 10.000.000 đồng/phần, hụi gồm 30 phần, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 25 âm lịch hàng tháng, vợ chồng bà T, ông G chơi 01 phần. Bà T, ông G hốt hụi ngày 25/6/2022 âm lịch, hốt được số tiền 223.400.000 đồng, đóng được 20 lần đến hết ngày 25/7/2023 âm lịch thì không đóng nữa, bà phải choàng hụi từ ngày 25/8/2023 âm lịch đến nay. Do đó, tính đến ngày xét xử 05/02/2024 (26/12/2023

âm lịch), đây hội này bà đã choàng cho bà T, ông G 01 phần hội x 10.000.000 đồng x 05 tháng = 50.000.000 đồng.

Vậy, tính đến ngày xét xử 05/02/2024 (26/12/2023 âm lịch), số tiền mà bà đã choàng hội cho bà T, ông G là đây 01 (80.000.000 đồng) + đây 02 (40.000.000 đồng) + đây 03 (80.000.000 đồng) + đây 04 (100.000.000 đồng) + đây 05 (50.000.000 đồng) = 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Đối với các phần hội chết nhưng bà chưa choàng, sau này nếu bà T, ông G không đóng thì bà sẽ tiếp tục choàng đến mãn hội và khởi kiện sau bằng vụ án khác.

Trước đây, tại Đơn khởi kiện ngày 10/10/2023, bà khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà T, ông G có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 3.140.000.000 đồng (Ba tỷ một trăm bốn mươi triệu đồng), bao gồm 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) tiền vay, 1.140.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi triệu đồng) tiền hội và yêu cầu tính lãi số tiền trên theo quy định từ ngày nộp đơn (19/10/2023) cho đến ngày xét xử vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, bà rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu Toà án buộc bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 2.350.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng), bao gồm 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) tiền vay, 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) tiền hội và yêu cầu tính lãi số tiền trên theo quy định từ ngày nộp đơn (19/10/2023) cho đến ngày xét xử vụ án.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tổng đạt hợp lệ cho bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G các văn bản tố tụng nhưng bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố

tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 288, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 21, khoản 1 Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu, phường; Điều 147, 227, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ H đối với số tiền hội 790.000.000 đồng (Bảy trăm chín mươi triệu đồng).

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ H. Buộc bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 2.350.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng), bao gồm 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) tiền vay, 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) tiền hội và yêu cầu tính lãi số tiền trên theo quy định từ ngày nộp đơn (19/10/2023) cho đến ngày xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Thị Lệ H khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G liên đới trả nợ vay và hội. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hội” theo quy định tại Điều 463, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào Đơn xác nhận địa chỉ nơi cư trú bị đơn ngày 10/10/2023 của Công an xã T thì bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G có đăng ký thường trú tại ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre và hiện đang sinh sống tại địa phương. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G. Tại Biên bản xác minh ngày 28/12/2023 của Công an xã T thể hiện: Bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G có đăng ký thường trú tại ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre, nhưng hiện nay bà T, ông G đã bỏ đi khỏi địa phương, hiện không rõ sinh sống tại đâu.

Việc bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G thay đổi nơi cư trú sau khi Tòa án thụ lý vụ án nhưng không thông báo địa chỉ mới cho bà Trần Thị Lệ H được coi là cố tình giấu địa chỉ vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án và vi phạm nghĩa vụ hội viên được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu, phường. Do đó, Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ giải quyết vụ án.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng bà T, ông G vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà T, ông G là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Tại phiên tòa, bà Trần Thị Lệ H rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền hội, trước đây bà yêu cầu bà T, ông G có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hội là 1.140.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi nghìn đồng), nay bà chỉ yêu cầu bà T, ông G có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hội là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), rút yêu cầu đối với số tiền hội 790.000.000 đồng (Bảy trăm chín mươi triệu đồng). Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà Trần Thị Lệ H.

- Về nội dung vụ án:

[6] Bà Trần Thị Lệ H khởi kiện cho rằng có cho bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G vay số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) vào ngày 21/9/2023 (07/8/2023 âm lịch), việc vay tiền có lập giấy nợ, do ông G viết và cùng bà T ký tên, khoản vay thỏa thuận lãi suất 15%/tháng, hạn 15 ngày sau trả lãi và gốc, tuy nhiên sau đó, bà T, ông G bỏ nợ nên bỏ đi khỏi địa phương, không trả tiền lãi và gốc cho bà. Căn cứ khởi kiện là “Giấy mượn tiền ngày 07/8/2023 âm lịch” (bút lục 59). Bên cạnh đó, bà T, ông G có tham gia 05 dây hội do bà H làm chủ, các

dây hui này phía bị đơn đều đã hót hui và có giấy nhận tiền hui (bút lục 51-58). Tính đến ngày xét xử 05/02/2024 (26/12/2023 âm lịch), bà H đã choàng cho phía bị đơn số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Do đó, bà Trần Thị Lệ H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 2.350.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng), bao gồm 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) tiền vay, 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) tiền hui và yêu cầu tính lãi số tiền trên theo quy định từ ngày nộp đơn (19/10/2023) cho đến ngày xét xử vụ án.

[6.1] Xét thấy, “Giấy mượn tiền ngày 07/8/2023 âm lịch” (bút lục 59) thể hiện bà Trần Thị Lệ H đã giao đủ số tiền vay cho bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G. Phía nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên cho vay là giao tài sản cho bên vay đầy đủ theo quy định tại Điều 465 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bị đơn không trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ.

[6.2] Căn cứ các Giấy nhận tiền hui (bút lục 51-58) đều thể hiện rõ các lần nhận tiền của 05 dây hui bà T, ông G tham gia chơi hui do bà H làm chủ. Việc hui viên bà T, ông G đã hót hui, bà H làm chủ hui đã giao tiền đầy đủ nhưng bà T, ông G không đóng lại các phần hui tiếp theo là đã vi phạm nghĩa vụ hui viên theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hui, họ, biêu, phường, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, bà H khởi kiện đòi số tiền hui đã choàng là có căn cứ.

[6.3] Về yêu cầu liên đới trả nợ: Thấy rằng “Giấy mượn tiền ngày 07/8/2023 âm lịch” (bút lục 59) và các Giấy nhận tiền hui (bút lục 51-58) đều có chữ ký của bà T, ông G cùng ký tên vào. Vì vậy, yêu cầu bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G có nghĩa vụ liên đới trả nợ của bà Trần Thị Lệ H là có căn cứ.

[6.4] Quá trình giải quyết vụ án, bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G đã được Tòa án đã triệu tập họp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến cũng như tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến, thể hiện việc bà T, ông G đã tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ H buộc bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G có nghĩa vụ liên đới trả số tiền

2.350.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng), bao gồm 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) tiền vay, 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) tiền hui là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 288, 463, 465, 466, 470, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hui, họ, biêu, phường nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về yêu cầu tính lãi suất: Bà Trần Thị Lệ H yêu cầu tính lãi số tiền 2.350.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng), bao gồm 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) tiền vay, 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) tiền hui theo quy định pháp luật kể từ ngày nộp đơn khởi kiện (19/10/2023) cho đến ngày xét xử (05/02/2024). Yêu cầu tính lãi suất số tiền vay của bà Trần Thị Lệ H là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7.1] Xét thấy, “Giấy mượn tiền ngày 07/8/2023 âm lịch” (bút lục 59) do bà Trần Thị Lệ H cung cấp, bà H cho rằng việc vay hai bên thỏa thuận 15 ngày sau sẽ trả. Căn cứ quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự 2015 thì đây là hợp đồng vay có kỳ hạn.

Căn cứ khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015, Điều 5, 6 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì tiền lãi được tính như sau:

Cụ thể: Kể từ ngày nộp đơn khởi kiện (19/10/2023) cho đến ngày xét xử (05/02/2024) = 3 tháng 17 ngày x 10%/năm x 2.000.000.000 đồng = 59.315.000 đồng (Năm mươi chín triệu ba trăm mười lăm nghìn đồng).

[7.2] Căn cứ khoản 2 Điều 22, khoản 1 Điều 21 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hui, họ, biêu, phường thì hui viên đến hạn góp hui nhưng không đóng tiền góp hui thì phải chịu lãi tương ứng với số tiền chủ hui choàng. Cụ thể:

Kể từ ngày nộp đơn khởi kiện (19/10/2023) cho đến ngày xét xử (05/02/2024) = 3 tháng 17 ngày x 10%/năm x 350.000.000 đồng = 10.380.000 đồng (Mười triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

[7.3] Vậy tổng cộng số tiền bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Lệ H là 2.419.695.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm mười chín triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng), bao gồm 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) tiền vay, 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng)

tiền hui, 69.695.000 đồng (Sáu mươi chín triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) tiền lãi.

[8] Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Ngô Thị Phương T hiện bà Trần Thị Lệ H đang giữ. Trong vụ án này, các đương sự không có yêu cầu giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xét đến.

[9] LỜI đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do rút một phần yêu cầu khởi kiện và được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên bà Trần Thị Lệ H không phải chịu án phí. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G phải liên đới chịu án phí theo quy định.

Cụ thể:

$2.419.695.000 \text{ đồng} = 72.000.000 \text{ đồng} + 2\% \times 419.695.000 \text{ đồng} = 80.393.900 \text{ đồng}$ (Tám mươi triệu ba trăm chín mươi ba nghìn chín trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 288, 463, 465, 466, 468, 470, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 277, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

Căn cứ Điều 5, 6 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 16, khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hui, họ, biên, phường.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ H đối với bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G về việc “Tranh chấp hội” đối với số tiền hội 790.000.000 đồng (Bảy trăm chín mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ H đối với bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hội”.

Buộc bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Lệ H số tiền 2.419.695.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm mười chín triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng), bao gồm 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) tiền vay, 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) tiền hội, 69.695.000 đồng (Sáu mươi chín triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G phải chịu số tiền án phí là 80.393.900 đồng (Tám mươi triệu ba trăm chín mươi ba nghìn chín trăm đồng).

H1 lại cho bà Trần Thị Lệ H số tiền án phí đã nộp là 47.400.000 (Bốn mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000483 ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bà Trần Thị Lệ H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Ngô Thị Phương T, ông Võ An G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Long Hồ